

## 8. 緊急・防犯

### (1) 緊急

火事・救急・救助などのときは 119 番に電話をかけてください。

日本では救急車・消防車を呼ぶことは無料です。

日本語が話せなくても大丈夫です。

呉市は、電話通訳センターを介した三者間同時通訳をすることができます。

#### 【対応言語】

英語・中国語（北京語）・韓国語・タイ語・ベトナム語・インドネシア語・タガログ語・ネパール語・ポルトガル語・スペイン語・フランス語・ドイツ語・イタリア語・ロシア語・マレー語・ミャンマー語・クメール語・モンゴル語・シンハラ語・ヒンディー語・ベンガル語

電話に出た消防の指令員（オペレーター）に「火事」か「救急」か「救助」か伝えます。※あなたの周囲に日本語を話せる人がいる場合は、お手伝いをお願いしてください。

#### （119 通報のかけ方）

- ①救急か火災か救助かを伝える。
- ②消防車・救急車が向かう住所を伝える。（住所が分からない場合は、大きな建物や交差点などの目印になるものを教えてください。）
- ③現在の状況を伝える。  
救急の場合：誰が、いつから具合が悪いのか。意識・呼吸はあるのか。病気かケガか伝える。  
火災の場合：燃えているもの。負傷者・逃げ遅れた人は何人いるか伝える。  
救助の場合：負傷者は何人いるか。負傷者の状況、ケガをしている箇所を伝える。
- ④あなたの名前と連絡先を伝える。（119 番通報後も連絡が取れる電話番号を伝えてください。消防の指令員（オペレーター）から再度連絡し詳しい内容について訪ねる場合があります。電話に出られるようにしてください。）  
※上記に示したものは、一般的な聞き取り内容です。答えられる範囲で伝えてください。

## 8. KHẨN CẤP VÀ PHÒNG TỘI PHẠM

### (1) Trường hợp khẩn cấp

Vui lòng gọi đến số 119 – số điện thoại chuyên dùng trong các trường hợp cần cứu hỏa, cấp cứu, cứu nạn, v.v.. Ở Nhật Bản, khi gọi xe cứu thương hoặc xe cứu hỏa sẽ được gọi miễn phí. Có hỗ trợ bằng tiếng nước ngoài nên không biết tiếng Nhật cũng có thể gọi được. Tại thành phố Kure, có hỗ trợ phiên dịch từ bên thứ 3 là trung tâm phiên dịch qua điện thoại.

#### 【Ngôn ngữ hỗ trợ】

Tiếng Anh, tiếng Trung (Quan thoại), tiếng Hàn, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Philippine, tiếng Nepal, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Nga, tiếng Mã Lai, tiếng Myanmar, tiếng Khmer, tiếng Mông Cổ, tiếng Sinhala, tiếng Hindi, tiếng Bengali

Báo cho nhân viên trực tổng đài hoặc phiên dịch viên biết đó là “hỏa hoạn” hay “trường hợp khẩn cấp”.

※Nhờ người biết tiếng Nhật ở cạnh nói giúp (nếu có).

#### (Cách gọi số 119 và những thông tin cần cung cấp)

- ①Cần nói rõ là “hỏa hoạn” hay “trường hợp khẩn cấp”.
- ②Nói rõ địa chỉ cần xe cứu hỏa và xe cứu thương tới.  
(Nếu không biết địa chỉ hãy lấy tòa nhà lớn hoặc ngã tư, v.v.. là mốc và miêu tả cho người trực tổng đài.)
- ③Thông báo tình hình hiện tại  
Trường hợp khẩn cấp: Cần cung cấp các thông tin sau: Ai, bị từ bao giờ, có còn thở hoặc có ý thức không, tên bệnh hoặc bị thương thế nào.  
Trường hợp hỏa hoạn: Địa điểm bị cháy, số người bị thương hoặc không kịp chạy thoát, v.v..  
Trường hợp gọi cứu nạn: Số người bị thương, bị thương ở đâu, mức độ thế nào.
- ④Người gọi cũng cần cung cấp tên và thông tin liên lạc của mình. (Số điện thoại có thể liên lạc sau khi gọi cho 119. Có thể nhân viên bên cục phòng cháy chữa cháy sẽ gọi lại và hỏi thông tin cụ thể một lần nữa, vui lòng trả lời khi có điện thoại gọi đến.)  
※Trên đây là nội dung cơ bản, vui lòng trả lời trong phạm vi có thể.

## 交通事故・犯罪被害 (110 番)

交通事故や犯罪に遭って、警察官にすぐ来てほしいときは 110 番にかけてください。

110 番に電話をかけると、オペレーターが次のようなことを質問します。落ち着いて、できるだけ正確に答えてください。

- ① 事件か 事故か
- ② いつ、どこで、何があったか
- ③ あなたの名前、連絡先
- ④ 事故の相手や犯人の性別、人数、年齢、服装など
- ⑤ けがをしている人がいないか

自分で電話をかけることができないときは、近くにいる人に助けを求めてください。

## (2) 犯罪に遭わないために

日本の法律やルールを理解して、安全に暮らしましょう。

### 〈在留カード・パスポート〉

- 在留カードは、いつも持っていなければいけません。
- 在留資格が「留学」や「家族滞在」などの人は仕事をするできません。  
※ただし、入国管理局から「資格外活動の許可」を得ていれば、週 28 時間以内などの範囲内でアルバイトをすることが可能です。  
仕事ができる在留資格の人でも、在留カードに書いてある在留資格以外の仕事はできません。
- 在留カード、パスポートは大切な身分証明書です。他の人に預けないで、自分で管理しましょう。
- 在留カードを紛失したら、なくしたことがわかった日から 14 日以内に、出入国在留管理庁（入管）で在留カードの再交付申請をします。

広島出入国在留管理局 ☎ : 082-221-4412

## Tai nạn giao thông / báo án (số 110)

Nếu bạn bị tai nạn giao thông hoặc báo án và muốn cảnh sát đến ngay lập tức, vui lòng gọi số 110.

Khi bạn gọi 110, nhân viên tiếp nhận sẽ hỏi những câu hỏi sau. Hãy bình tĩnh để trả lời chính xác nhất có thể.

- ① Nói rõ là báo án hay bị tai nạn giao thông
- ② Khi nào, ở đâu, đã xảy ra chuyện gì
- ③ Họ tên và số điện thoại liên lạc của bạn
- ④ Giới tính, số người, độ tuổi, trang phục của người gây tai nạn hoặc người phạm tội
- ⑤ Có ai bị thương không?

Nếu bạn không thể tự gọi điện, hãy nhờ người gần đó giúp đỡ (nếu có).

## (2) Để không vô tình vi phạm

Vui lòng tìm hiểu kỹ về luật pháp Nhật Bản và các quy tắc cơ bản để có cuộc sống an toàn.

### 〈Thẻ lưu trú / Hộ chiếu〉

- Luôn mang theo thẻ lưu trú khi ra ngoài.
- Người có tư cách lưu trú "Du học sinh" hoặc "Gia đình", v.v.. không được phép làm việc nếu chưa có "Giấy phép lao động ngoài tư cách lưu trú" thì có thể làm việc bán thời gian trong phạm vi 28 tiếng/tuần. Ngay cả các tư cách lưu trú cho phép làm việc khác, bạn chỉ có thể làm đúng công việc được ghi trên đó.
- Thẻ lưu trú và hộ chiếu là giấy tờ cá nhân rất quan trọng, không nên đưa cho người khác giữ hộ.
- Nếu bị mất thẻ lưu trú, cần báo lên Cục Quản lý xuất nhập cảnh và tư cách lưu trú (Nyukan) trong vòng 14 ngày kể từ ngày bạn phát hiện mất thẻ, và xin cấp lại thẻ lưu trú khác.

Cục quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Hiroshima  
☎ : 082-221-4412

### 〈マイナンバーカード〉

- マイナンバーカードは、失くさないようにしてください。
- マイナンバーカードを紛失した場合は、「マイナンバー総合フリーダイヤル」に電話をしてください。

### マイナンバー総合フリーダイヤル

0120-0178-27

対応言語：英語，中国語，韓国語，スペイン語，ポルトガル語

対応時間：平 日 9:30～20:00  
土日祝 9:30～17:30  
(年末年始，12月29日～1月3日を除く)

### 〈落とし物をしたとき，物を盗まれたとき〉

- 近くにある警察や交番に行き届け出をします。
- 「キャッシュカード」や「クレジットカード」を失くしたら，すぐに銀行やカード会社に連絡をして，他の人にカードが使われないように手続きしてください。

落とし物をして困ったときは  
国際交流センター ☎：0823-25-5604

### 〈Thẻ mã số cá nhân〉

- Lưu ý giữ thẻ mã số cá nhân cẩn thận, tránh làm mất thẻ.
- Nếu bị mất thẻ mã số cá nhân, vui lòng gọi tới "Tổng đài miễn phí tư vấn tổng hợp về mã số cá nhân" theo số điện thoại:

### Tổng đài chung về mã số cá nhân (miễn phí):

0120-0178-27

Ngôn ngữ hỗ trợ: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha

Thời gian làm việc:

Ngày thường: 9:30am - 8:00pm  
Thứ 7, chủ nhật, ngày lễ: 9:30am - 5:30pm  
(Không tính các ngày nghỉ tết dương lịch, từ 29 tháng 12 - 3 tháng 1)

### 〈Khi làm rơi hoặc bị mất đồ〉

- Vui lòng làm thủ tục khai báo tại đồn cảnh sát gần nhất.
- Nếu bị mất thẻ ATM hoặc thẻ tín dụng, hãy liên hệ với ngân hàng hoặc đơn vị phát hành thẻ ngay lập tức và làm thủ tục để người khác không sử dụng được thẻ đó.

Nơi liên hệ tư vấn khi bị mất đồ:  
Trung tâm giao lưu quốc tế ☎：0823-25-5604

119番



110番

